

Số:16/2022/QĐCNHGT - KDTM

Đông Anh, ngày 30 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của Ngân hàng N; Ngân hàng N và ông Lê Văn K và bà Lê Thị N; cư trú tại thôn X, xã X, huyện Đ, Hà Nội;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, xử lý tài sản bảo đảm đề ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Ngân hàng N; Địa chỉ: Số 02 phố Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 06 tháng 01 năm 2023 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

1. Người khởi kiện: Ngân hàng N; Địa chỉ: Số 02 phố L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; Đại diện ủy quyền lại của người khởi kiện: Ông Kim Anh C, ông Nguyễn Xuân Q – Cán bộ Ngân hàng N (Theo văn bản ủy quyền số 936 ngày 12/10/2022 của ông Trịnh Xuân Long – Giám đốc Ngân hàng N – chi nhánh Đ).

2. Người bị kiện: Anh Lê Văn K, sinh năm 1980; chị Lê Thị N, sinh năm 1979 và anh Lê Hoàng V, sinh năm 1999; Điều cư trú tại thôn X, xã X, huyện Đ, Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền của bà Nga, anh Việt: Anh Lê Văn K, sinh năm 1980; cư trú tại thôn X, xã X, huyện Đ, Hà Nội

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956; ông Lê Văn H, sinh năm 1953 (ông H đã chết ngày 23/6/2019); Cư trú tại thôn T, xã N, huyện Đ, Hà Nội

3.2. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H:

3.2.1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956 (vợ ông H)

3.2.2. Anh Lê Mạnh T, sinh năm 1987 (Con ông H, bà L)

Cư trú tại thôn T, xã N, huyện Đ, Hà Nội

3.2.3. Chị Lê Thị O, sinh năm 1977 (Con ông H, bà L); Cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện Đ, Hà Nội

3.2.4. Chị Lê Thị H1, sinh năm 1983 (Con ông H, bà L); Cư trú tại: Thôn Y, xã X, huyện Đ, Hà Nội

3.2.5. Chị Lê Thị N, sinh năm 1979 (Con ông H, bà L); cư trú tại thôn X, xã X, huyện Đ, Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền của bà L, anh T, chị H, chị N: Anh Lê Văn K, sinh năm 1980; cư trú tại thôn X, xã X, huyện Đ, Hà Nội

3.3. Ông Lê Xuân Đ, sinh năm 1976 và bà Trương Thị Hải Y, sinh năm 1976; Cư trú tại: thôn X, xã X, huyện Đ, Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền của ông Đ, chị Y: Anh Lê Văn K, sinh năm 1980; cư trú tại thôn X, xã X, huyện Đ, Hà Nội

3.4. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1954; cư trú tại thôn X, xã X, huyện Đ, Hà Nội;

Đại diện theo ủy quyền của Bà N1: Anh Lê Văn K, sinh năm 1980; cư trú tại thôn X, xã X, huyện Đ, Hà Nội

3.4. Công ty A; Địa chỉ: thôn X, xã X, huyện Đ, Hà Nội; Địa diện theo pháp luật của Công ty: Anh Lê Văn K, sinh năm 1980; cư trú tại thôn X, xã X, huyện Đ, Hà Nội

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 06 tháng 01 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 06 tháng 01 năm 2023, cụ thể như sau⁽⁷⁾:

1.1. Về số tiền vay nợ: Ông Lê Văn K, bà Lê Thị N và anh Lê Hoàng V còn nợ Ngân hàng N số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 06/01/2023 là 18.707.515.664 đồng. Trong đó: Số nợ gốc: 15.620.000.000 đồng; Số nợ lãi trong hạn: 1.670.062.308

đồng; Số nợ lãi quá hạn: 1.417.453.356 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3140LAV 201603441 ngày 18/12/2019.

1.2.2. Phương thức trả nợ như sau: Anh Lê Văn K, chị Lê Thị N và anh Lê Hoàng V phải trả Ngân hàng số tiền theo lộ trình sau:

+ Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 29/5/2023 mỗi tháng anh Lê Văn K, chị Lê Thị N và anh Lê Hoàng V phải trả cho Ngân hàng số tiền 20.000.000đ/tháng.

+ Ngày 30/6/2023 anh Lê Văn K, chị Lê Thị N và anh Lê Hoàng V phải trả cho Ngân hàng số tiền 2.500.000.000đ (được trừ vào nợ gốc)

+ Ngày 31/12/2023 anh Lê Văn K, chị Lê Thị N và anh Lê Hoàng V phải trả cho Ngân hàng số tiền 2.500.000.000đ (được trừ vào nợ gốc)

+ Ngày 30/6/2024 anh Lê Văn K, chị Lê Thị N và anh Lê Hoàng V phải trả cho Ngân hàng số tiền 2.500.000.000đ (được trừ vào nợ gốc)

+ Ngày 31/12/2024 anh Lê Văn K, chị Lê Thị N và anh Lê Hoàng V phải trả cho Ngân hàng số tiền 2.500.000.000đ (được trừ vào nợ gốc)

+ Ngày 30/6/2025 anh Lê Văn K, chị Lê Thị N và anh Lê Hoàng V phải trả cho Ngân hàng số tiền 2.500.000.000đ (được trừ vào nợ gốc)

+ Ngày 31/12/2025 anh Lê Văn K, chị Lê Thị N và anh Lê Hoàng V phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc lãi còn lại.

Anh K, chị N, anh V phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng trên dư nợ gốc thực tế từ ngày 07/01/2023 theo lãi suất của Hợp đồng tín dụng đã ký số 3140LAV 201603441 ngày 18/12/2019 cho đến khi trả hết nợ.

1.3. Trong trường hợp vợ chồng Anh K, chị N, anh V vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu thi hành án phát mại các tài sản thế chấp, cụ thể là:

1.3.1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa thửa đất số 7, tờ bản đồ số 12 tại địa chỉ Tổ 38, phường N, quận L, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số Bìa Đ645145, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2383/2005/QĐ-UB/1611/2005 MS 10127370874 do UBND quận Long Biên, thành phố Hà Nội cấp ngày 29/12/2005 mang tên hộ bà Nguyễn Thị N1.

1.3.2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa thửa đất số 33⁽¹⁾, tờ bản đồ số 72 tại địa chỉ thôn T, xã N, huyện Đ, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa AH 549841, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 18/1446/QĐ.UB do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/8/2007 mang tên ông Lê Văn H.

1.3.3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa thửa đất số 33c+34c, tờ bản đồ số 39 tại địa chỉ thôn X, xã X, huyện Đ, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa CH 582235, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH.00061 do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 07/4/2017 mang tên ông Lê Xuân Đ và bà Trương Thị Hải Y

1.3.4. 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 220643 do phòng cảnh sát giao thông , Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 28/6/2016, Biển kiểm soát: 30E.217.30 mang tên Công ty A.

1.3.5. 01 xe ô tô tải tự đồ nhãn hiệu HUYNDAI theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 638345 do phòng cảnh sát giao thông , Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 17/6/2019, biển kiểm soát số 29H.245.31 mang tên Công ty A.

1.3.6. 01 xe ô tô tải tự đồ nhãn hiệu HUYNDAI theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 488886 do phòng cảnh sát giao thông, Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 5/9/2018, biển kiểm soát số 29C.628.48 mang tên Công ty A.

1.3.7. 01 xe ô tô tải tự đồ nhãn hiệu HUYNDAI theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 539300 do phòng cảnh sát giao thông, Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 26/2/2019, biển kiểm soát số 29H.208.31 mang tên Công ty A.

1.3.8. 01 xe ô tô tải tự đồ nhãn hiệu HUYNDAI theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 539299 do phòng cảnh sát giao thông , Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 26/2/2019, biển kiểm soát số 29H.208.86 mang tên Công ty A.

1.3.9. 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 355641 do phòng cảnh sát giao thông , Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 14/3/2017, biển kiểm soát số 29C-641.04 mang tên Công ty A.

1.3.10. 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 379773 do phòng cảnh sát giao thông , Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 30/3/2017, biển kiểm soát số 29C.028.57 mang tên Công ty A.

1.3.11. 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 198912 do phòng cảnh sát giao thông , Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 28/3/2014, biển kiểm soát số 29C.256.92 mang tên ông Lê Xuân Kiểm.

1.3.12. 01 xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu HUYNDAI theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 099350 do phòng cảnh sát giao thông , Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 06/12/2013, biển kiểm soát số 29C.213.06 mang tên ông Lê Xuân Kiểm.

1.4. Về lệ phí KDTM: Các bên không phải chịu lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Đông Anh;
- Tòa án Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Lưu án;

THẨM PHÁN

Thịnh Quang Thắng